

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-PT

Ngày: 14/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhiên

- *Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Hải Vinh

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thân Thị Hải Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/TLPT-HS ngày 01/3/2021 đối với bị cáo Bùi Đức S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Bùi Đức S**, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã HS, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc phổ thông: 12/12. Con ông: Bùi Công H, sinh năm 1966; và con bà: Dương Thị N, sinh năm 1968. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bản thân là nhất. Họ và tên vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra vụ án có 3 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, Tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Đức S, sinh năm 1992 ở Thôn H, xã HS, huyện L, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 ở thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 11/11/2015 tại UBND xã Hương S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng có con chung là cháu Bùi Ngọc

Quỳnh Tr, sinh ngày 19/9/2017. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho ly hôn với Bùi Đức S. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L và Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 01/2020/HNGĐ-PT ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đều quyết định: Xử cho chị H được ly hôn với Bùi Đức S; Giao con chung là cháu Bùi Ngọc Quỳnh Tr cho chị H nuôi dưỡng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Bùi Đức S không tự nguyện giao con chung là cháu Bùi Ngọc Quỳnh Tr cho chị H nuôi dưỡng. Ngày 20/02/2020, chị H gửi đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ngày 24/02/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện L ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 211/QĐ-CCTHADS, buộc Bùi Đức S phải giao con chung là cháu Bùi Ngọc Quỳnh Tr cho mẹ là chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã thực hiện việc giao Quyết định thi hành án theo yêu cầu cho Bùi Đức S theo quy định pháp luật, đồng thời kết hợp cùng chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể đến tại gia đình Bùi Đức S để giải thích các quy định pháp luật về việc giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng đồng thời vận động thuyết phục S tự nguyện thi hành nhưng S không chấp hành.

Ngày 17/4/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện L ra Quyết định về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng số 20/QĐ-CCTHADS. Ngày 21/4/2020, Chi Cục thi hành án dân sự huyện L ra Thông báo số 318/TB-THADS thông báo về việc thực hiện việc giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng và yêu cầu Bùi Đức S đúng 9 giờ ngày 05/5/2020 phải thực hiện việc đưa cháu Bùi Ngọc Quỳnh Tr đến trụ sở UBND xã Hương S để tiến hành giao cháu Tr cho chị H. Mặc dù đã được thông báo hợp lệ và biết nghĩa vụ thi hành án của mình nhưng đến ngày 05/5/2020, Bùi Đức S không có mặt tại UBND xã Hương S nên việc cưỡng chế không thành. Cùng ngày, Chi cục thi hành dân sự huyện L đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với Bùi Đức S. Ngày 08/5/2020, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC đối với Bùi Đức S với số tiền xử phạt 3.000.000đ; lý do xử phạt: Không thực hiện việc giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Sau đó, Chi cục thi hành án dân sự huyện L tiếp tục phối hợp cùng chính quyền địa phương vận động, thuyết phục S và gia đình tự nguyện giao con nhưng S không chấp hành. Ngày 04/6/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện L tiếp tục thông báo cưỡng chế theo Quyết định cưỡng chế số 20/QĐ-CCTHADS ngày 17/4/2020, thời gian cưỡng chế vào ngày 12/6/2020, tại nhà Bùi Đức S. Tuy nhiên, tại buổi cưỡng chế, Bùi Đức S cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng mặc dù đã được thông báo về việc cưỡng chế theo quy định.

Ngày 08/10/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện L có kiến nghị khởi tố gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L về việc Bùi Đức S có hành vi “Không chấp hành án”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 380; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức S 04 (bốn) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo và người liên quan.

Án xử xong, ngày 01/02/2021, bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo và không kêu oan; với lý do bị cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và phúc thẩm hôn nhân gia đình đã xét xử giao con chung cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, ngoài ra không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có quan điểm: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về việc xin giảm hình phạt, hưởng án treo. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm.

Về tranh luận: bị cáo không có tranh luận gì đối với đề nghị của Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Về lời nói sau cùng: Đề nghị HĐXX cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo đã được làm trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bùi Đức S, sinh năm 1992 ở Thôn H, xã HS, huyện L là người phải chấp hành Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L và Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 01/2020/HNGĐ-PT ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có hiệu lực pháp luật về việc giao cháu Bùi Ngọc Quỳnh Tr cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng nhưng S không chấp hành mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế của Cơ quan thi hành án dân sự và bị xử phạt vi phạm

hành chính về việc không chấp hành án nhưng bị cáo vẫn không thi hành quyết định của bản án mà bị cáo có nghĩa vụ phải thực hiện.

Hành vi của Bùi Đức S đủ yếu tố cấu thành của tội “Không chấp hành án”, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo như vậy là đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy: Án sơ thẩm căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân xử phạt bị cáo Bùi Đức S 04 (bốn) tháng tù là có căn cứ đúng pháp luật, bởi lẽ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thi hành án đối với các Bản án, Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án. Bị cáo nhận thức được hành vi không chấp hành án, không thực hiện nghĩa vụ của mình được quy định trong Bản án, Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý không thực hiện. Do đó cần phải xử lý về hình sự đối với bị cáo, để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày nội dung của bản án sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo là đúng, không oan, nhưng hình phạt đối với bị cáo là nặng. Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 04 tháng tù là đúng người, đúng tội và có sự chiếu cố. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ TNHS nào mới. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo, nhưng đến khi xét xử phúc thẩm bị cáo vẫn cố tình không giao con chung cho chị H nuôi dưỡng theo bản án HNGĐ đã xét xử và không có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS nào mới. HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt 04 tháng tù của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí HSPT.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đức S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2] Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 380; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của

Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức S **04 (bốn)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[3] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Bùi Đức S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhiên